TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-5-2019
V/v: Ly hôn giữa chị L và anh Nh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiệt
2. Ông Nguyễn Văn Kiện

Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Quỳnh Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm1978 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Ngô Hoàng Nh, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

(Anh Nh có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19-3-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2000, chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Ngô Hoàng Nh quen biết và về chung sống vợ chồng với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Những năm đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Nh và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị L và anh Nh có 02 người con chung tên Ngô Anh Th, sinh ngày 17-01-2001 (bị mất năng lực hành vi dân sự) và Ngô Vương V, sinh ngày 10-9-2003. Chị L yêu cầu được nuôi 02 con chung, chị không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Ngô Hoàng Nh trình bày tại Tòa án:

Anh Nh thống nhất với lời trình bày của chị L về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung; về tài sản chung và nợ chung không có là đúng. Nay chị L xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh Nh đồng ý giao 02 con chung tên Ngô Anh Th, sinh ngày 17-01-2001 và Ngô Vương V, sinh ngày 10-9-2003 cho chị L nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nh có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L và không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Ngô Hoàng Nh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 19-3-2019 chị Nguyễn Thị Mỹ L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Ngô Hoàng Nh. Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn anh Ngô Hoàng Nh có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Ngô Hoàng Nh chung sống với nhau vào năm 2000 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật,

nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Do đó, không công nhận chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Ngô Hoàng Nh là vợ chồng là phù hợp pháp luật.

[3] *Về nuôi con chung:* Chị L và anh Nh có 02 người con chung tên Ngô Anh Th, sinh ngày 17-01-2001 (bị mất năng lực hành vi dân sự) và Ngô Vương V, sinh ngày 10-9-2003; chị L và anh Nh thống nhất giao cháu Th và cháu V cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con vì chị có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế nuôi con được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị L và anh Nh đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[6] *Về án phí:* Chị L là nguyên đơn trong vụ án, do đó chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Ngô Hoàng Nh.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Ngô Hoàng Nh có 02 người con chung tên Ngô Anh Th, sinh ngày 17-01-2001 (bị mất năng lực hành vi dân sự) và Ngô Vương V, sinh ngày 10-9-2003; chị L và anh Nh thống nhất giao cháu Th và cháu V cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Ngô Hoàng Nh đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp 300.000 đồng nhưng chị L được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009601 ngày 21-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị L không phải nộp thêm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mỹ L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ngô Hoàng Nh vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Tạ Thị Xuân